TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2018/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 17 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Gi**, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú tại: Số B đường B1, khóm A3, phường A4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Gi.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Gi đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Gi đều thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Phạm Thị Bích S, sinh ngày 02/9/2012 (hiện

đang sống chung với bà Gi tại số B đường B1, khóm A3, phường A4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) cho bà Nguyễn Thị Gi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đến đủ 18 tuổi và giao cháu Phạm Tỷ Ph, sinh ngày 10/3/2015 (hiện đang sống chung với ông T tại số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) cho ông Phạm Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Gi đều thống nhất thỏa thuận, không ai phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Phạm Thị Bích S, sinh ngày 02/9/2012 theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Bà Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Phạm Tỷ Ph, sinh ngày 10/3/2015 theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở bà Gi thực hiện quyền này.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Gi đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Ông Phạm Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Tấn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001705 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Hoàn trả cho ông T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường A2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ